TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Pc

Bản án số: 62/2023/DSST

Ngày 05/6/2023

V/v: "Tranh chấp HĐ góp vốn"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà
Các Hội thẩm nH dân:
1. Ông Trương Đức Lâm
2. Ông Nguyễn Ngọc Trứ
- *Thư ký phiên tòa:*Ông Đoàn Thanh Hiệp – Thẩm tra viên TAND huyện Hiệp Hòa
- *Đại diện Viện kiểm sát nH dânhuyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa*:
Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 202, tại trụ sở Tòa án nH dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: thụ lý số 285/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp vốn (đòi vốn góp) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-DS ngày 10/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn Lạc Trung, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, Bắc Ninh (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hè D, sinh năm 1985
Địa chỉ: TDP Cầu Rô, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1965 (là chồng và cùng địa chỉ với bà H - có mặt)

3.2. Chị Tạ Thị P, sinh năm 1987 (là vợ và cùng địa chỉ với anh D – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/12/2022, các bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là ông Nguyễn Công T trình bày: Do có quan hệ quen biết nhau nên khi anh Nguyễn Hè D nói có góp 46,7% mua chung lô đất với 1 số người khác và muốn để lại cho bà H 20% với giá 440.000.000đ. bà H đã đồng ý và đôi bên đã lập hợp đồng góp vốn mua bất động sản ngày 02/11/2021 với nội dung bà H góp cho anh D số tiền 440.000.000đ (tương đương 20%) để mua chung 1 thửa đất và thỏa thuận đến tết năm 2022 sẽ có sổ đỏ. Tuy nhiên, quá thời hạn theo hợp đồng nhưng anh D không có gấy tờ về thửa đất, nhiều lần bà H gặp anh D để đòi lại tiền nhưng anh D khất, hẹn và đến nay vẫn chưa trả tiền cho bà. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh D – chị P phải trả lại cho bà H số tiền góp vốn là 440.000.000đ và tiền lãi của số tiền đó kể từ thời điểm góp vốn 02/11/2021 tạm tính đến hết tháng 11/2022 theo mức 10%/năm là 52.800.000đ.

Tại Biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Hề D thừa nhận việc anh và bà H có ký kết hợp đồng mua chung thửa đất và anh đã nhận số tiền 440.000.000đ của bà H như bà H đã trình bày. Tuy nhiên anh không làm được sổ đỏ thửa đất như đã cam kết với bà H là do giấy tờ của chủ đất không đảm bảo. Bà H đã gặp anh nhiều lần để đòi tiền nhưng anh chưa có tiền để trả nên đã khất, hẹn với bà H nhiều lần. Nay anh đồng ý trả bà H số tiền 440.000.000đ nhưng xin được trả dần. Anh không đồng ý trả lãi suất vì anh không vay mượn tiền của bà H mà do đôi bên góp vốn làm ăn chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tạ Thị P thừa nhận việc anh D (chồng chị) và bà H có ký kết hợp đồng góp vốn mua chung đất. Anh D có nhận của bà H số tiền 440.000.000đ nhưng chị không biết anh D sử dụng số tiền đó vào việc gì, chị không được chi tiêu số tiền đó nên chị không đồng ý trả tiền cùng anh D.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn là vợ chồng bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi suất, cụ thể là vẫn yêu cầu vợ chồng anh D – chị P phải trả số tiền vốn góp là 440.000.000đ, còn về thời gian tính lãi suất, Bà H chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày hết hạn khất nợ lần sau cùng, tức 01/11/2022 (anh D khất đến ngày 30/10/2022), vẫn theo mức lãi suất 10%/năm. Sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Phía bị đơn là anh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà P đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phía nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227,

Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 275, 288, 398, 401, 419, 429 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nH và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc vợ chồng anh Nguyễn Hè D, chị tạ Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn góp là 440.000.000đ và tiền lãi là 26.050.900đ. Tổng cộng là 466.050.900.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hè D và chị Tạ Thị P phải liên đới nộp 22.642.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Hè D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tạ Thị P vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, do đó, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện của bà H và các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo thể hiện việc bà H khởi kiện đòi vợ chồng anh D số tiền vốn góp theo hợp đồng góp vốn mua bất động sản ngày 02/11/2021, việc Tòa án thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng góp vốn (đòi tiền vốn góp) là đúng quy định và trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Xem xét các yêu cầu của người khởi kiện:

- Về việc đòi số tiền vón góp: Căn cứ đơn khởi kiện của phía nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo, đồng thời được phía bị đơn thừa nhận, có đủ cơ sở xác định: Ngày 02/11/2021, giữa bà H và anh D đã ký kết hợp đồng góp vốn mua chung bất động sản (quyền sử dụng đất). Theo nội dung hợp đồng thì bà H góp cho anh D số tiền 440.000.000đ (tương đương 20% giá trị thửa đất mua chung), còn anh D đứng ra thực hiện việc mua (nhận chuyển nhượng), hoàn tất các thủ tục để có sổ đỏ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) vào thời điểm tết năm 2022. Tuy nhiên anh D không thực hiện được phần nghĩa vụ của mình với lý do giấy tờ của bên chuyển nhượng đất (bên bán) không đảm bảo, cũng không trả lại tiền cho bà D mặc dù bà D đòi nhiều lần. Như vậy, có cơ sở xác định anh D đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên việc bà D khởi kiện đòi số tiền vốn góp là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 275, 398, 401, 419, 429 Bộ luật dân sự.

- Về nghĩa vụ liên đới của chị Tạ Thị P: Mặc dù chị P trình bày không biết anh D sử dụng số tiền nhận của bà H vào việc gì, bà không được chi tiêu số tiền này nhưng theo lời khai của chị P thì chị hoàn toàn biết việc làm ăn của anh D là môi giới, buôn bán bất động sản từ năm 2021 và có làm ăn với bà H, biết việc anh D nhận tiền của bà H, kinh tế vợ chồng do cả hai cùng thống nhất, quản lý vì

vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc chị P phải có nghĩa vụ liên đới cùng với anh D trong việc trả tiền cho bà H số tiền vốn góp là 440.000.000đ theo quy định tại Điều 27, 37 Luật hôn nH và gia đình và Điều 288 Bộ luật dân sự.

- Về lãi suất: Mặc dù phía anh D không chấp nhận trả lãi với lý do không phải là tiền vay mượn nhưng việc anh D vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận giữa đôi bên, sau khi bà H đòi thì khất, hẹn trả nhiều lần nhưng không thực hiện là gây thiệt hại cho bà H. Vì vậy việc bà H yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ, cần được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về gian tính lãi suất, chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày hết hạn khất nợ lần sau cùng, tức là từ ngày 01/11/2022 cho đến nay (anh D khất đến ngày 30/10/2022) theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy việc thay đổi đó là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

(440.000.000đ x 0,83% x 7 tháng) + (440.000.000đ x 0,83% : 30 x 4 ngày) = 26.050.900đ.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi suất buộc vợ chồng anh D – chị P phải trả cho vợ chồng bà H là 466.050.900đ.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh D – chị P phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 288, 398, 401, 419, 429 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nH và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Hè D - chị tạ Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn góp là 440.000.000đ và tiền lãi là 26.050.900đ. Tổng cộng là 466.050.900 (bốn trăm sáu mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Buộc anh Nguyễn Hè D và chị Tạ Thị P phải liên đới nộp 22.642.000đ (hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà